

Trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN  
Khoa Công nghệ thông tin  
-----

***BÀI TẬP LỚN: PHÂN TÍCH & THIẾT KẾ HƯỚNG ĐỐI TƯỢNG***

***Giảng viên: PGS. TS. Đặng Đức Hạnh***

***ThS. Trần Mạnh Cường***



**DATABASE DESIGN  
GREENMART - CHỢ NÔNG SẢN SẠCH  
HÀNG ĐẦU VIỆT NAM**

21020035 - Nguyễn Huy Thái

21020394 - Kiều Minh Tuấn

21020555 - Trần Hồng Quân

21020032 - Đỗ Minh Tuấn

21020031 - Ngô Văn Tuấn

*Hà Nội, ngày 03 tháng 05 năm 2024*

# Mục lục

<b>Mục lục</b>	<b>2</b>
<b>Lịch sử sửa đổi</b>	<b>3</b>
<b>1. Giới thiệu</b>	<b>4</b>
1.1. Mục đích	4
1.2. Tài liệu tham khảo	4
<b>2. Biểu đồ thiết kế cơ sở dữ liệu</b>	<b>5</b>
<b>3. Chi tiết các bảng trong cơ sở dữ liệu</b>	<b>6</b>
3.1. Bảng User	6
3.2. Bảng Goods	6
3.3. Bảng Cart	7
3.3. Bảng Cart_goods	7

# Lịch sử sửa đổi

Người sửa đổi	Thời gian	Các thay đổi	Phiên bản
Nguyễn Huy Thái	03/05/2024	Khởi tạo tài liệu	1.0
Nguyễn Huy Thái	18/05/2024	Hoàn thành tài liệu	1.1

# **1. Giới thiệu**

## **1.1. Mục đích**

Tài liệu này là báo cáo về chủ đề *Greenmart - Hệ thống bán hàng nông sản* của nhóm 03 trong khóa học Phân tích và thiết kế hướng đối tượng.

Báo cáo được viết dựa trên định dạng báo cáo của “IEEE Std 830-1998 IEEE Recommended Practice for Software Requirements Specifications”.

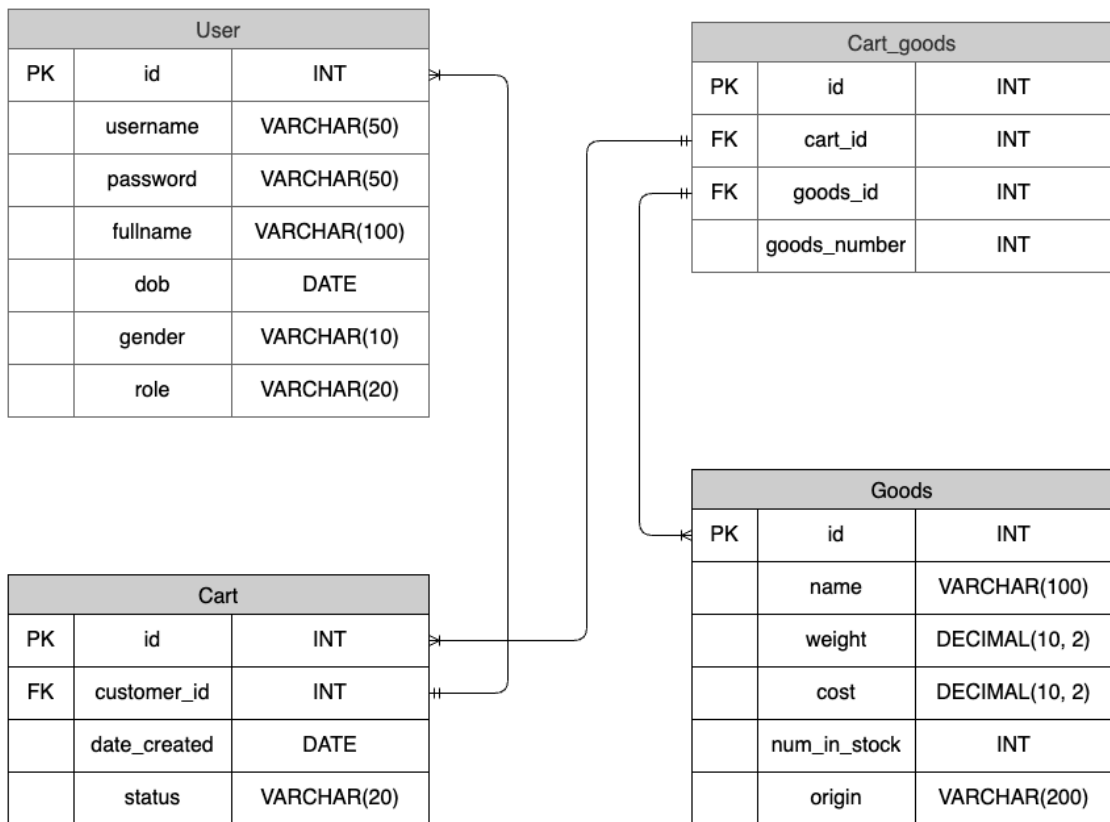
Mục đích của Tài liệu Thiết kế cơ sở dữ liệu là mô tả thiết kế của cơ sở dữ liệu sử dụng trong hệ thống.

## **1.2. Tài liệu tham khảo**

[1] IEEE Std 830-1998 IEEE Recommended Practice for Software Requirements Specifications. IEEE Computer Society, 1998.

[2] Payroll System Subsystem Design Solution, Version 2003

## 2. Biểu đồ thiết kế cơ sở dữ liệu



### 3. Chi tiết các bảng trong cơ sở dữ liệu

#### 3.1. Bảng User

Tên trường	Kiểu dữ liệu	Thuộc tính	Mô tả
id	INT	Khóa chính Tự động tăng	Mã duy nhất cho mỗi user trong hệ thống
username	VARCHAR(50)	Không trùng lặp Không rỗng	Tên đăng nhập của user
password	VARCHAR(50)	Không rỗng	Mật khẩu đã hash của user
fullname	VARCHAR(100)		Họ và tên của user
dob	DATE		Ngày sinh của user
gender	VARCHAR(10)		Giới tính của user
role	VARCHAR(20)		Vai trò của user trong hệ thống

#### 3.2. Bảng Goods

Tên trường	Kiểu dữ liệu	Thuộc tính	Mô tả
id	INT	Khóa chính Tự động tăng	Mã duy nhất cho mỗi mặt hàng trong hệ thống
name	VARCHAR(100)	Không rỗng	Tên mặt hàng
weight	DECIMAL(10,2)		Khối lượng mặt hàng
cost	DECIMAL(10, 2)		Giá mỗi sản phẩm
num_in_stock	INT		Số lượng còn trong kho
origin	VARCHAR(200)		Nguồn gốc xuất xứ

### 3.3. Bảng Cart

Tên trường	Kiểu dữ liệu	Thuộc tính	Mô tả
id	INT	Khóa chính Tự động tăng	Mã duy nhất cho mỗi giỏ hàng trong hệ thống
customer_id	INT	Khóa ngoại nối đến ID của bảng User	Mã khách hàng đã tạo giỏ hàng
date_created	DATE		Ngày tạo giỏ hàng
status	VARCHAR(20)		Trạng thái giỏ hàng

### 3.3. Bảng Cart\_goods

Tên trường	Kiểu dữ liệu	Thuộc tính	Mô tả
id	INT	Khóa chính Tự động tăng	Mã duy nhất cho mặt hàng đang được để trong giỏ hàng trong hệ thống
cart_id	INT	Khóa ngoại nối đến ID của bảng Cart	Id của giỏ hàng
goods_id	INT	Khóa ngoại nối đến ID của bảng Goods	Id của mặt hàng
goods_number	INT		Số lượng mặt hàng trong giỏ hàng